



NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN CÔNG THƯƠNG
SAIGON BANK FOR INDUSTRY AND TRADE

MÃ KHÁCH HÀNG/(CLIENT No)

Chi nhánh:.....
(Branch)

THÔNG TIN CỦA KHÁCH HÀNG VẮNG LAI
INFORMATION OF WALK-IN CLIENT

I. THÔNG TIN CỦA KHÁCH HÀNG
(CLIENT'S INFORMATION)

1. **Họ và tên:** **Giới tính:** ☐ Nam ☐ Nữ
(Full Name) (Gender) (Male) (Female)
2. **Sinh ngày:** **Nơi sinh:**
(Date of birth) (Place of birth)
3. **Địa chỉ thường trú:**
(Permanent residential address)
Địa chỉ liên hệ:
(Correspondence address)
Địa chỉ nước ngoài:
(Overseas address)
4. **Cư trú:** ☐ Có ☐ Không
(Residence) (Yes) (No)
5. **ĐTNR/ĐTDD:** **Email:**
(Home Phone No./ Mobile No.)
6. **Số CMND/CCCD:** **Ngày cấp:** **Nơi cấp:**
(ID No.) (Date of issue) (Place of issue)
- Hoặc hộ chiếu số:** **Ngày cấp:** **Ngày hết hạn:** **Nơi cấp:**
(Passport No.) (Date of issue) (Date of expiry) (Place of issue)
7. **Số thị thực nhập cảnh vào Việt Nam (nếu có):**
(Entry visa No. to VN / if any)
Ngày cấp: **Ngày hết hạn:** **Nơi cấp:**
(Date of issue) (Date of expiry) (Place of issue)
8. **Quốc tịch:** **Dân tộc:**
(Nationality) (Ethnicity)
9. **Số lượng quốc tịch (khác với quốc tịch đã khai ở trên):**
(Number of nationalities which are different from the above mentioned)
- **Quốc tịch khác:**
(Other Nationality)
- Hộ chiếu số:** **Ngày cấp:** **Ngày hết hạn:** **Nơi cấp:**
(Passport No.) (Date of issue) (Date of expiry) (Place of issue)
- Địa chỉ đăng ký cư trú tại quốc gia mang quốc tịch:**
(Registered residential address in the country of this nationality)
- Mã ZIP:** **Số điện thoại (vui lòng ghi rõ mã nước và mã vùng):**
(ZIP code) (Phone No. – please specify country code and area code)
10. **Nghề nghiệp:**
(Employment details)
☐ Công chức ☐ Nhân viên văn phòng ☐ Tự doanh ☐ Nghỉ hưu ☐ Khác
(Civil servant) (Office staff) (Business Owner) (Retired) (Others)
11. **Tên cơ quan công tác hiện tại:**
(Name of the current workplace)
12. **Địa chỉ cơ quan:**
(Address of the current workplace)
13. **Chức vụ:** **Thời gian công tác: từ năm** **đến nay**
(Position) (Length of seniority: from year to the current year)
14. **Điện thoại nơi công tác:**
(Business Phone No.)

II. THÔNG TIN VỀ GIAO DỊCH (INFORMATON OF TRANSACTION)

1. Hình thức giao dịch:
(Type of Transaction)

☐ Nộp tiền mặt chuyển đi
(Cash deposit for remittance)

☐ Rút tiền mặt
(Cash withdrawal)

☐ Nộp tiền vào tài khoản TGTT/ TG tiết kiệm tại SGB
(Deposit to Current Account/ Savings Account)

2. Trị giá giao dịch:
(Transaction amount)

3. Số tham chiếu của giao dịch:
(Transaction Ref.)

Ngày giao dịch:
(Transaction date)

4. Mục đích của giao dịch:
(Transaction purpose)

5. Thông tin về đối tác của Khách hàng (bên thụ hưởng hoặc bên khởi tạo)
(Information of the Client's partner - Beneficiary or Originator)

Cá nhân:
(Individual)

+ **Số CMND/CCCD/Passport:** _____ **Ngày cấp:** _____ **Nơi cấp:** _____
(ID No) (Date of issue) (Place of issue)

+ **Số tài khoản (nếu có):** _____
(A/C No., if any)

+ **Địa chỉ:** _____ **Quốc gia:** _____
(Address) (Country)

Tổ chức:
(Organization)

+ **Số ĐKKD:** _____
(Business registration certificate No.)

+ **Mã số thuế:** _____
(Tax code)

+ **Địa chỉ :** _____ **Quốc gia:** _____
(Correspondence address) (Country)

+ **Số tài khoản:** _____
(A/C No.)

6. Ngân hàng thụ hưởng hoặc ngân hàng khởi tạo:
(Beneficiary bank or initiating bank)

Địa chỉ: _____ **Quốc gia:** _____
(Correspondence address) (Country)

Ngày/Datetháng/month.....năm/year.....

Giao dịch viên nhận biết
Teller

Kiểm soát
Supervisor

Tổng giám đốc (Giám đốc)
General Director/Director